

**BIỂU 01. TỔNG HỢP GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN**

**Công trình: Xây dựng các phòng học bộ môn, phòng họp, phòng nghỉ giáo viên trường THCS xã Yên Phúc, huyện Văn Quan**

*(Kèm theo Quyết định số 2841 /QĐ-UBND, ngày 09/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)*

*Đơn vị tính : đồng*

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>Gxd</b>	<b>(1+2)</b>	<b>4.199.869.630</b>	<b>353.724.370</b>	<b>4.553.594.000</b>
1	Hạng mục 01: Quyết toán khối lượng theo Hợp đồng số: 27/2022/HĐ-XD ngày 27 tháng 07 năm 2022		a+b	3.566.288.081	299.715.919	3.866.004.000
a	<i>Phần khối lượng tính thuế VAT 8%</i>		<i>Có bảng tính</i>	<i>2.845.644.444</i>	<i>227.651.556</i>	<i>3.073.296.000</i>
b	<i>Phần khối lượng thuế VAT 10%</i>		<i>Có bảng tính</i>	<i>720.643.636</i>	<i>72.064.364</i>	<i>792.708.000</i>
2	Hạng mục 02: Quyết toán khối lượng phát sinh theo Phụ lục hợp đồng số: 27a/2022/PLHĐ-XD ngày 01/10/2022		Có bảng tính (VAT 8%)	467.485.185	37.398.815	504.884.000
3	Hạng mục 03: Quyết toán khối lượng phát sinh theo Phụ lục Hợp đồng số: 02-25.10/2022/PLHĐ-XD ngày 08/08/2023		Có bảng tính (VAT 10%)	166.096.364	16.609.636	182.706.000
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>Gqlda</b>	<b>Giá trị đề nghị QT</b>	<b>111.668.000</b>		<b>111.668.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>Gtv</b>	<b>(1+2+3)</b>	<b>256.944.013</b>	<b>23.633.987</b>	<b>280.578.000</b>
1	Chi phí tư vấn khảo sát, lập BC KTKT		BB nghiệm thu, QT A-B ngày 21/6/2022 (VAT 10%)	139.168.182	13.916.818	153.085.000
2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu		a-b	13.661.016	1.387.984	15.049.000
a	<i>Giá trị nghiệm thu theo Hợp đồng</i>		<i>BB nghiệm thu, QT A-B ngày 25/8/2022 (VAT 10%)</i>	<i>13.934.545</i>	<i>1.393.455</i>	<i>15.328.000</i>
b	<i>Giảm trừ 2% theo ND 15/2022/ND-CP</i>		<i>15.328.000/1,1*2%</i>	<i>273.529</i>	<i>5.471</i>	<i>279.000</i>
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng		BB nghiệm thu khối lượng hoàn thành (VAT 8%)	104.114.815	8.329.185	112.444.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Gk</b>	<b>(1+2+3+4+5+6)</b>	<b>67.714.909</b>	<b>2.172.091</b>	<b>69.887.000</b>
1	Chi phí thẩm định báo cáo KTKT, dự toán		Theo giá trị đề nghị QT	15.625.000		15.625.000
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu		Theo giá trị đề nghị QT	3.943.000		3.943.000
3	Bảo hiểm công trình		Theo giá trị đề nghị QT	3.233.636	323.364	3.557.000
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan Nhà nước		Theo giá trị đề nghị QT	18.487.273	1.848.727	20.336.000
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (ND99/2021/ND-CP)		GQT* hệ số ND 99	26.426.000		26.426.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>Gxd+Gqlda+Gtv+Gk</b>	<b>4.636.196.551</b>	<b>379.530.449</b>	<b>5.015.727.000</b>

*(Năm tỷ không trăm mười năm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng)/.*

**BIỂU 02. TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN****Công trình: Xây dựng các phòng học bộ môn, phòng họp, phòng nghỉ giáo viên trường THCS xã Yên Phúc, huyện Văn Quan***(Kèm theo Quyết định số 2841 /QĐ-UBND, ngày 09/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)*

Đơn vị: đồng

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4	8
	<b>Tổng số</b>		<b>5.015.727.000</b>	<b>4.780.000.000</b>	<b>235.727.000</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>		<b>4.553.594.000</b>	<b>4.526.443.000</b>	<b>27.151.000</b>	<b>0</b>	
1	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Dũng Sỹ	Chi phí xây dựng	4.553.594.000	4.526.443.000	27.151.000		
<b>II</b>	<b>Chi phí QLDA</b>		<b>111.668.000</b>	<b>0</b>	<b>111.668.000</b>	<b>0</b>	
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quản lý dự án	111.668.000		111.668.000		
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>		<b>280.578.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>30.578.000</b>	<b>0</b>	
1	Công ty cổ phần Thời Đại	Chi phí tư vấn Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	153.085.000	150.000.000	3.085.000		
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thành Nam	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	15.049.000		15.049.000		
3	Công ty TNHH MTV Thiên Tân LS	Tư vấn giám sát thi công	112.444.000	100.000.000	12.444.000		
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>		<b>69.887.000</b>	<b>3.557.000</b>	<b>66.330.000</b>	<b>0</b>	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	Chi phí thẩm định báo cáo KTKT, dự toán	15.625.000		15.625.000	0	
2	Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn	Kiểm tra điều kiện nghiệm thu	20.336.000		20.336.000		
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	3.943.000		3.943.000		
4	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm công trình	3.557.000	3.557.000	0		
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (NĐ99/2021/NĐ-CP)	26.426.000		26.426.000		

Nội dung	Đơn vị	toán	A-B đ
- Chi phí xây dựng	đồng		4.554.825.000
- Chi phí quản lý dự án	đồng		111.668.000
- Chi phí tư vấn DT XD	đồng		280.911.000
- Chi phí khác	đồng		72.875.000
<b>Tổng cộng</b>	đồng		<b>5.020.279.000</b>
			5.020.279.000

Giá trị thẩm tra QT	Chênh lệch
4.553.594.000	-1.231.000
111.668.000	0
280.578.000	-333.000
69.887.000	-2.988.000
<b>5.015.727.000</b>	<b>-4.552.000</b>
5.015.727.000	-4.552.000